

**CÔNG TY TNHH
GIỐNG CÂY TRỒNG PHÚ NÔNG****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: 60/QĐ-PNS-TCCS

TP. Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 01 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH**Về việc công bố tiêu chuẩn cơ sở****GIÁM ĐỐC CÔNG TY TNHH GIỐNG CÂY TRỒNG PHÚ NÔNG**

Căn cứ vào Giấy phép kinh doanh số 0305060797 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố TP. Hồ Chí Minh về Chức năng nhiệm vụ của công ty;

Căn cứ Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật số 68/2006/QH11 do Chủ tịch nước công bố ngày 12 tháng 7 năm 2006;

Luật trồng trọt số 31/2018/QH14 ngày 19/11/2018 và nghị định số 94/2019/NĐ-CP ngày 13/12/2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của luật trồng trọt về giống cây trồng và canh tác;

Căn cứ Nghị định số 127/2007/NĐ-CP ngày 01 tháng 8 năm 2007 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật;

Căn cứ Nghị định số 132/2008/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2008 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật chất lượng sản phẩm, hàng hóa;

Căn cứ Luật chất lượng sản phẩm, hàng hoá số 05/2007/QH12 do Chủ tịch quốc hội công bố ngày 21 tháng 11 năm 2007;

Căn cứ Thông tư 21/2007/TT-BKHHCN ngày 28 tháng 9 năm 2007 của Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn xây dựng và áp dụng tiêu chuẩn;

Xét theo đề nghị của Trưởng phòng kỹ thuật.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Ban hành tiêu chuẩn cơ sở kèm theo Quyết định này quy định đối với giống hoa vạn thọ: TCCS 60:2021/PNS - Khảo nghiệm giá trị canh tác, giá trị sử dụng và chất lượng hạt giống.

Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 2: Các bộ phận, phòng ban có liên quan của doanh nghiệp và đơn vị, cá nhân có liên quan đến giống hoa vạn thọ do CÔNG TY TNHH GIỐNG CÂY TRỒNG PHÚ NÔNG sản xuất kinh doanh chịu trách nhiệm thực hiện quyết định này.

Nơi nhận:

- Như điều 2;
- Lưu: Công ty

CÔNG TY TNHH GIỐNG CÂY TRỒNG PHÚ NÔNG

TCCS

TIÊU CHUẨN CƠ SỞ

TCCS 60:2021/PNS

Xuất bản lần 1

**GIỐNG HOA VẠN THỌ
KHẢO NGHIỆM GIÁ TRỊ CANH TÁC, GIÁ TRỊ SỬ DỤNG
VÀ CHẤT LƯỢNG HẠT GIỐNG**

TP. Hồ Chí Minh – 2021

Lời nói đầu

TCCS 60:2021/PNS do CÔNG TY TNHH GIỐNG CÂY TRỒNG PHÚ NÔNG công bố theo quyết định số 60/QĐ-PNS-TCCS ngày 10 tháng 01 năm 2021.

Trong quá trình áp dụng Tiêu chuẩn này có thể sửa đổi, bổ sung, thu hồi, hủy bỏ cho phù hợp với thực tế và quy định của pháp luật.

1. PHẠM VI ÁP DỤNG

Tiêu chuẩn này quy định phương pháp khảo nghiệm giá trị canh tác, giá trị sử dụng (khảo nghiệm VCU) giống hoa vụn thọt và chất lượng cho sản phẩm hạt giống hoa vụn thọt do CÔNG TY TNHH GIỐNG CÂY TRỒNG PHÚ NÔNG sản xuất và kinh doanh trên địa bàn toàn quốc.

2. CƠ SỞ PHÁP LÝ

- Luật trồng trọt số 31/2018/QH14 ngày 19/11/2018 và nghị định số 94/2019/NĐ-CP ngày 13/12/2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của luật trồng trọt về giống cây trồng và canh tác;
- Căn cứ Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật số 68/2006/QH11 do Chủ tịch nước công bố ngày 12 tháng 7 năm 2006;
- Căn cứ Nghị định số 127/2007/NĐ-CP ngày 01 tháng 8 năm 2007 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật;
- Căn cứ Nghị định số 132/2008/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2008 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật chất lượng sản phẩm, hàng hóa;
- Căn cứ Luật chất lượng sản phẩm, hàng hoá số 05/2007/QH12 do Chủ tịch quốc hội công bố ngày 21 tháng 11 năm 2007;
- Căn cứ Thông tư 21/2007/TT-BKHHCN ngày 28 tháng 9 năm 2007 của Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn xây dựng và áp dụng tiêu chuẩn;
- TCVN 8548:2011, Hạt giống cây trồng-phương pháp kiểm nghiệm.

3. THUẬT NGỮ VÀ ĐỊNH NGHĨA

Trong tiêu chuẩn này sử dụng thuật ngữ và định nghĩa sau đây:

Khảo nghiệm diện hẹp: Khảo nghiệm được tiến hành trên đồng ruộng, diện tích ô nhỏ, có lặp lại.

Khảo nghiệm diện rộng: Khảo nghiệm được tiến hành trên đồng ruộng, diện tích ô lớn, không lặp lại.

Khảo nghiệm có kiểm soát: Khảo nghiệm giống trong môi trường nhân tạo để giống thể hiện đầy đủ đặc tính chống chịu điều kiện bất thuận.

Giống khảo nghiệm: Giống mới được đưa vào khảo nghiệm.

Chữ viết tắt:

TGST: Thời gian sinh trưởng.

VCU: Value of Cultivation and Use (giá trị canh tác và giá trị sử dụng).

TCCS: Tiêu chuẩn cơ sở.

QCVN: Quy chuẩn Việt Nam.

TCVN: Tiêu chuẩn Việt Nam.

4. YÊU CẦU VỀ KHẢO NGHIỆM

4.1 Vùng miền khảo nghiệm

- Địa điểm khảo nghiệm giống phải đại diện về khí hậu thời tiết của Vùng miền khảo nghiệm; phải phù hợp với yêu cầu sinh trưởng, phát triển của giống.
- Địa điểm khảo nghiệm diện hẹp được thực hiện tại các tỉnh khác nhau.
- Địa điểm khảo nghiệm diện rộng được thực hiện tại các tỉnh khác nhau.
- Tại mỗi điểm khảo nghiệm có đủ diện tích để bố trí thí nghiệm khảo nghiệm. Diện tích tối thiểu để bố trí thí nghiệm là: Khảo nghiệm diện hẹp 100 m²; khảo nghiệm diện rộng 500 m².

Phân vùng khảo nghiệm:

- **Vùng Trung du miền núi phía Bắc:** Hà Giang, Cao Bằng, Bắc Kạn, Tuyên Quang, Lào Cai, Yên Bái, Thái Nguyên, Lạng Sơn, Bắc Giang, Phú Thọ, Điện Biên, Lai Châu, Sơn La, Hoà Bình.
- **Vùng đồng bằng sông Hồng:** thành phố Hà Nội, Vĩnh Phúc, Bắc Ninh, Hải Dương, Quảng Ninh, Hải Phòng, Hưng Yên, Thái Bình, Hà Nam, Nam Định, Ninh Bình.
- **Vùng Bắc Trung bộ:** Thanh Hoá, Nghệ An, Hà Tĩnh, Quảng Bình, Quảng Trị, Thừa Thiên Huế.
- **Vùng Duyên hải Nam Trung bộ:** Đà Nẵng, Quảng Nam, Quảng Ngãi, Bình Định, Phú Yên, Khánh Hoà, Ninh Thuận, Bình Thuận.
- **Vùng Tây Nguyên:**
Gồm 5 tỉnh: Kon Tum, Gia Lai, Đắk Lắk, Đắk Nông, Lâm Đồng.
- **Vùng Đông Nam bộ:**
Gồm 6 tỉnh, thành phố: Bình Phước, Tây Ninh, Bình Dương, Đồng Nai, Bà Rịa Vũng Tàu, Thành phố Hồ Chí Minh.
- **Vùng Đồng bằng sông Cửu Long:** Long An, Tiền Giang, Bến Tre, Trà Vinh, Vĩnh Long, Đồng Tháp, An Giang, Kiên Giang, Cần Thơ, Hậu Giang, Sóc Trăng, Bạc Liêu, Cà Mau.

4.2. Khảo nghiệm diện hẹp, khảo nghiệm diện rộng

Địa điểm khảo nghiệm phải đại diện về khí hậu, thời tiết của vùng, phù hợp với yêu cầu sinh trưởng, phát triển của giống và do đơn vị lựa chọn, quyết định.

Số lượng địa điểm khảo nghiệm tối thiểu tại mỗi vùng cho khảo nghiệm diện hẹp và diện rộng là 1-2 điểm.

4.3. Khảo nghiệm có kiểm soát

Thực hiện khảo nghiệm có kiểm soát về điều kiện bất thuận - thực hiện không tưới để đánh giá tính chịu hạn của giống khảo nghiệm được thực hiện trong nhà lưới với các điều kiện phù hợp để bố trí các thí nghiệm: Đủ ánh sáng, nước tưới để cây trồng sinh trưởng phát triển. Chồng được côn trùng, chuột, chim. Nhà lưới phải đảm bảo cách ly nguồn sâu bệnh với môi trường.

5. PHƯƠNG PHÁP KHẢO NGHIỆM

5.1. Các bước khảo nghiệm

5.1.1. Khảo nghiệm diện hẹp

Thực hiện tối thiểu 3 vụ, mỗi Vùng miền sinh thái chọn 1 điểm của 1 tỉnh trong vùng để khảo nghiệm.

Giống khảo nghiệm được bố trí thí nghiệm theo kiểu tuần tự hoặc ngẫu nhiên, 3 lần nhắc lại. Diện tích mỗi ô thí nghiệm tối thiểu 21 m² (tương đương 125 chậu trồng với kích thước 25x30 cm).

Xung quanh ruộng thí nghiệm có ít nhất 2 hàng bảo vệ.

Để xác định giá trị canh tác và sử dụng của giống hoa vạn thọ mới phải theo dõi, đánh giá các chỉ tiêu ở Bảng 2 dưới đây:

Bảng 2 - Các chỉ tiêu theo dõi

| TT | Chỉ tiêu | Giai đoạn | ĐVT/ điểm | Biểu hiện | Phương pháp đánh giá/theo dõi |
|-----------|-----------------------|--------------------------------|----------------------|--|---|
| 1. | Ngày gieo | Gieo | Ngày | | Thực hiện ngày nào thì ghi chép lại |
| 2. | Ngày mọc | Mọc | Ngày | Ngày có khoảng 50% số cây có 2 lá mầm nhú khỏi mặt đất | Quan sát toàn bộ ô thí nghiệm |
| 3. | Chiều cao cây | Thu hoạch | cm | | Đo khoảng cách từ mặt đất đến đỉnh bông cao nhất của 10 cây mẫu |
| 4. | Thời gian sinh trưởng | Ngày gieo – kết thúc thu hoạch | Ngày | | Số ngày từ gieo đến khi khoảng 85% - 90 % số cây có thể thu hoạch |
| 5. | Hình dạng hoa | Ra hoa | | | Quan sát và mô tả hình dạng hoa trên toàn bộ ô thí nghiệm |
| 6. | Màu sắc hoa | Ra hoa | | Vàng đậm Vàng chanh | Quan sát và mô tả màu sắc hoa trên |

| | | | | | |
|-----|--|---------------------------|-----------------------|---|---|
| | | | | Cam đậm Cam nhạt Màu khác | toàn bộ ô thí nghiệm |
| 7. | Đường kính hoa | Ra hoa | Cm | | Đo đường kính bông của 10 cây mẫu |
| 8. | Năng suất | Thu hoạch | Bông/ha | | Đếm số bông trên các cây mẫu của mỗi ô, rồi quy ra số bông/ha |
| 9. | Khả năng chống chịu các điều kiện ngoại cảnh bất thuận: (nóng, rét, hạn, úng) | Gieo-kết thúc thu hoạch | 1 2 3 4 5 | Không bị hại. Hại nhẹ nhưng phục hồi nhanh. Hại trung bình, phục hồi chậm. Hại nặng, hồi phục kém (sinh trưởng phát triển kém biểu hiện qua các bộ phận của cây: Héo, chuyển màu...) Chết hoàn toàn | Đánh giá mức độ bị hại và khả năng hồi phục của cây sau khi bị ảnh hưởng của các điều kiện ngoại cảnh bất thuận |
| 10. | Theo dõi, đánh giá mức gây hại của các bệnh hại chính (bệnh héo rũ, khảm do virus...khi có đối tượng gây hại trên ruộng khảo nghiệm) | Sau trồng 20, 35, 50 ngày | 1 3 5 7 | Không có cây bị bệnh; Dưới 15% số cây bị bệnh; Điểm 5 có từ 15-30% số cây bị bệnh | Điều tra trên toàn ô thí nghiệm hoặc 5 điểm theo quy tắc đường chéo |

| | | | | | |
|-----|---|---------------------------|-------------|---|---|
| | | | 9 | Điểm 7 có từ 31-45% số cây bị Điểm 9 trên 45% số cây bị bệnh | |
| 11. | Theo dõi, đánh giá mức gây hại của các loại côn trùng gây hại chính (Sâu xanh ăn lá, sâu đục hoa, bọ trĩ...khi có đối tượng gây hại trên ruộng khảo nghiệm) | Sau trồng 20, 35, 50 ngày | 1 2 3 | Nhẹ (xuất hiện rải rác) Trung bình (phân bố dưới 1/3 của thân, lá và hoa) Nặng (phân bố trên 1/3 của thân, lá và hoa) | Điều tra trên toàn ô thí nghiệm hoặc 5 điểm theo quy tắc đường chéo |

5.1.2. Khảo nghiệm diện rộng

Tiến hành 2 vụ, đồng thời với khảo nghiệm diện hẹp hoặc sau 01 vụ khảo nghiệm diện hẹp. Mỗi Vùng miền sinh thái chọn 1 điểm của 1 tỉnh trong Vùng miền để khảo nghiệm.

Bố trí thí nghiệm

Bố trí thí nghiệm theo kiểu tuần tự hoặc ngẫu nhiên, không lặp lại.

Thí nghiệm có nhiều giống hoặc chỉ 01 giống khảo nghiệm.

Diện tích giống khảo nghiệm: Mỗi giống ít nhất 300 m²/điểm khảo nghiệm.

Các chỉ tiêu theo dõi và phương pháp đánh giá

- Thời gian sinh trưởng (ngày): Tính thời gian từ gieo đến 85% - 90 % số cây đã kết thúc thu hoạch.

- Chiều cao cây (cm): Đo từ mặt đất đến đỉnh bông cao nhất của cây tại thời điểm có khoảng 30 - 50% số bông đã nở. Đo tại 5 điểm theo phương pháp đường chéo trong mỗi ô khảo nghiệm.

- Năng suất (bông/ha): Đếm số bông của các chậu mẫu tại 5 điểm theo phương pháp đường chéo sau đó quy ra năng suất bông/ha (chỉ đếm các bông đạt đường kính tối thiểu 5 cm, sâu bệnh gây hại trên bông nhỏ hơn 10%).

5.1.3. Khảo nghiệm có kiểm soát

Thực hiện tối thiểu 1 vụ. Làm tại 1 điểm

Bố trí khảo nghiệm

Khảo nghiệm được tiến hành trong nhà lưới có mái che, bố trí theo kiểu tuần tự, nhắc lại 3 lần, mỗi lần nhắc 5 chậu có kích thước 25x30 cm.

Mỗi chậu trồng 3 cây, hỗn hợp đất gồm 3 thành phần: tro trấu (phải xả nước nhiều lần để giảm độ mặn), xơ dừa và phân chuồng ủ hoai. Hỗn hợp trên trộn theo tỷ lệ 10:4:1. Trồng và chăm sóc bình thường, khi cây ở giai đoạn 20 - 25 ngày sau gieo thì tiến hành quá trình ngắt tưới và để hạn trong 3 ngày, sau đó theo dõi và mô tả thiệt hại của cây.

Tiến hành quan sát và đánh giá mức độ héo của cây, thời gian đánh giá 1 lần/ngày, vào 13 - 15h00 trong ngày; quan sát các thời gian khác bổ sung.

Bảng 3 - Các chỉ tiêu theo dõi và đánh giá

| Chỉ tiêu | Giai đoạn | ĐVT/ Điểm | Trạng Thái biểu hiện | Phương pháp đánh giá |
|---|---------------------------------------|--------------|---|---|
| Khả năng chống chịu với điều kiện khô hạn | Khi gặp điều kiện bất thuận (khô hạn) | 1 | Không bị hại | Đánh giá mức độ bị hại và khả năng phục hồi của cây sau khi bị hạn. Cho điểm theo thang điểm từ 1 - 9 |
| | | 3 | Hại nhẹ nhưng phục hồi nhanh | |
| | | 5 | Hại trung bình, phục hồi chậm | |
| | | 7 | Hại nặng, hồi phục kém (sinh trưởng phát triển kém biểu hiện qua các bộ phận của cây: Héo, chuyển màu...) | |
| | | 9 | Chết hoàn toàn | |

6. BÁO CÁO KHẢO NGHIỆM: Theo quy định mẫu của công ty.

7. YÊU CẦU VỀ GIÁ TRỊ CANH TÁC VÀ GIÁ TRỊ SỬ DỤNG

7.1. Kết quả khảo nghiệm diện hẹp và diện rộng

| TT | Chỉ tiêu/Đặc điểm | Biểu hiện | |
|----|---------------------------|---|--|
| | | Mùa nắng | Mùa mưa |
| 1 | Chiều cao cây (cm) | Đối với cây lùn ≤ 50 Đối với cây lỡ ≤ 65 Đối với cây cao ≤ 95 | Đối với cây lùn ≤ 70 Đối với cây lỡ ≤ 80 Đối với cây cao ≤ 115 |
| 2 | Đường kính bông (cm) | ≥ 7 | ≥ 6 |
| 3 | Bệnh hại (điểm) | ≤ 3 | ≤ 5 |
| 4 | TGST (ngày) | Đối với hàng F1 ≤ 70 Đối với hàng OP ≤ 90 | Đối với hàng F1 ≤ 80 Đối với hàng OP ≤ 105 |
| 5 | Năng suất (triệu bông/ha) | ≥ 1,4 | ≥ 1,4 |

7.2. Kết quả khảo nghiệm có kiểm soát

Tính chịu hạn (khả năng chống chịu tối thiểu 1 ngày): Điểm ≤ 5 , giống có khả năng phục hồi sau 1 ngày bị hạn.

8. CHẤT LƯỢNG HẠT GIỐNG – ĐÓNG GÓI, BAO BÌ, NHÃN MÁC

8.1. Chỉ tiêu chất lượng

Hạt giống của nhóm hoa vạn thọ phải đảm bảo chất lượng hạt giống với các chỉ tiêu cơ bản tại tiêu chuẩn cơ sở này như sau:

| Chỉ tiêu | Hạt F1 | Hạt OP* cấp Xác nhận | Phương pháp thử |
|---|--------|----------------------|---------------------|
| 1. Độ sạch, % khối lượng, không nhỏ hơn | 99,0 | 98,0 | Theo TCVN 8548:2011 |
| 2. Tỷ lệ nảy mầm, % số hạt, không nhỏ hơn | 85 | 65 | |
| 3. Độ ẩm, % khối lượng, không lớn hơn | 9,0 | 9,0 | |

* OP: Open pollination (thụ phấn tự do)

8.2. Đóng gói, bao bì và nhãn mác

- **Đóng gói:** Lon sắt, nhôm cán mỏng, túi bao bì kim loại, bao bì nhựa hoặc nilon.
- **Nội dung ghi nhãn:** Tên giống; cấp giống; đặc tính giống; định lượng giống; ngày sản xuất, ngày hết hạn sử dụng; xuất xứ của giống cây trồng; bảo quản và hướng dẫn sử dụng.